

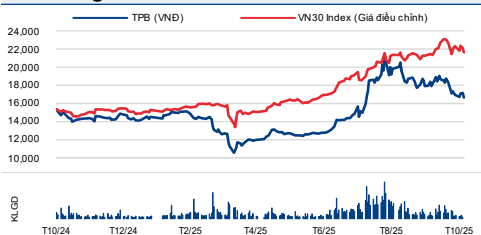
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ17,714
Tiềm năng tăng/giảm: 6.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	16,650
Mã Bloomberg	TPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,388-21,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,979
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	46,189
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,755
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,774
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	793
Slg CP NN được mua (tr.đv)	16.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	29.4%
Tỷ lệ freefloat	54.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Doji (6.97%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	418,028	462,560	524,761
Dư nợ cho vay (ntđ)	251,104	296,171	346,396
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	18,037	19,523	22,726
Lợi nhuận thuần (ntđ)	6,074	6,534	7,454
BVPS (đồng)	13,553	14,236	16,606
EPS (đồng)	2,190	2,355	2,687
DPS (đồng)	476	952	381
T.trưởng cho vay KH (%)	22.3	17.9	17.0
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	11.1	8.24	16.4
Tăng trưởng EPS (%)	36.1	7.57	14.1
Tăng trưởng DPS (%)	(87.2)	100	(60.0)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	21.7	40.4	14.2
ROAE (%)	17.3	17.0	17.4
ROAA (%)	1.57	1.48	1.51
Tỷ lệ NIM (%)	3.73	3.65	3.75
Tỷ lệ CIR (%)	34.8	37.2	36.9
Hệ số CAR (%)	11.4	9.74	9.26
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.51	1.99	1.90
LLR/nợ xấu (%)	81.5	93.0	96.9
Hệ số LDR (%)	103	103	102
P/B (lần)	1.23	1.17	1.00
P/E (lần)	7.60	7.07	6.20
Lợi suất cổ tức (%)	2.86	5.72	2.29

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập vào năm 2008, TPB được thừa hưởng thế mạnh một cơ cấu cổ đông đặc biệt, bao gồm nhiều tập đoàn, công ty hàng đầu tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q3 tăng 10%; sát với dự báo

- TPB đã công bố LNTT Q3 đạt 1.902 tỷ đồng, tăng 10%, nhờ thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 30% và chi phí dự phòng chỉ tăng 8%, trong khi thu nhập lãi thuần khiêm tốn.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, LNTT đạt 6.048 tỷ đồng, tăng 11%, hoàn thành 74% dự báo cả năm và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng mạnh 16,1% kể từ đầu năm trong khi tỷ lệ NIM giảm nhẹ xuống 3,33%. Chất lượng tài sản vẫn khiêm tốn với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 2,23% và chi phí dự phòng chỉ tăng 8% so với cùng kỳ.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,02 lần, thấp hơn 26% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,38 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3 vào ngày 30/10/2025

TPB đã công bố LNTT Q3 đạt 1.902 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ (nhưng giảm 7% so với quý trước), nhờ thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ 30% so với cùng kỳ đạt 1.035 tỷ đồng và chi phí dự phòng chỉ tăng 8% so với cùng kỳ lên 909 tỷ đồng, trong khi thu nhập lãi thuần chỉ tăng 2% so với cùng kỳ lên 3.238 tỷ đồng. Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, LNTT đạt 6.048 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, hoàn thành 74% dự báo cả năm 2025 và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Tín dụng tăng trưởng mạnh trong Q3

Tín dụng tăng 16,1% kể từ đầu năm (tăng 3,8% so với quý trước) đạt 303 nghìn tỷ đồng, trong đó tổng dư nợ cho vay tăng 18,3% so với đầu năm (tăng 4,5% so với quý trước) lên 296 nghìn tỷ đồng, trong khi TPDN nắm giữ giảm 35,2% so với đầu năm xuống 6,7 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu tín dụng theo phân khúc, cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn/DNNVV (tăng 21,1% so với đầu năm lên 155 nghìn tỷ đồng) tăng mạnh hơn đáng kể so với phân khúc bán lẻ (tăng 15,5% so với đầu năm lên 141 nghìn tỷ đồng).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q3/2025, TPB

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, LNTT của TPB đã hoàn thành 74% dự báo cả năm và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi

(Tỷ đồng)	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	3,173	3,238	2%	9,837	9,773	-1%	68%
Thu nhập ngoài lãi	822	1,287	57%	3,079	3,851	25%	76%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	795	1,035	30%	2,455	2,934	20%	80%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	(47)	(46)	-3%	37	306	728%	96%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	(61)	69	-213%	371	171	-54%	24%
Thu nhập khác	135	229	70%	217	440	103%	110%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	0		0	0		
Tổng thu nhập HĐ	3,995	4,525	13%	12,916	13,623	5%	70%
Chi phí HĐ	(1,425)	(1,714)	20%	(4,484)	(5,352)	19%	74%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	2,569	2,811	9%	8,432	8,272	-2%	67%
Chi phí dự phòng	(838)	(909)	8%	(2,968)	(2,224)	-25%	54%
LNTT	1,731	1,902	10%	5,464	6,048	11%	74%
Lợi nhuận thuần	1,384	1,521	10%	4,369	4,837	11%	74%

Nguồn: TPB, HSC

HSC tin rằng giá trị TPDN nắm giữ giảm xuống cho thấy quy mô trái phiếu liên quan đến Bamboo Capital (BCG; Chưa khuyến nghị) đã thu hẹp lại, trước đó một phần các TP của BCG đã bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phong tỏa vào tháng 3/2025. Đây là tín hiệu tích cực đối với chất lượng tài sản của TPB và ORS.

Đối với huy động, tiền gửi khách hàng tăng 7,2% so với cùng kỳ (tăng 5,5% so với quý trước) lên 260 nghìn tỷ đồng, vay nợ liên ngân hàng tăng 5,5% so với cùng kỳ lên 99 nghìn tỷ đồng và giấy tờ có giá tăng 21% so với cùng kỳ lên 44 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm xuống 19%, từ 22,2% tại thời điểm cuối Q2/2025.

Tỷ lệ NIM tiếp tục thu hẹp do tín dụng tăng trưởng nhanh

Tỷ lệ NIM giảm 10 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 62 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 3,33%, do lợi suất gộp tăng nhẹ 4 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 19 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 7,48%, trong khi chi phí huy động tăng 13 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 49 điểm cơ bản so với cùng kỳ) lên 4,3%.

Tỷ lệ NIM thấp do tốc độ tăng trưởng tín dụng nhanh chóng làm hạn chế khả năng nâng cao lợi suất cho vay, trong khi cơ sở tiền gửi khiêm tốn khiến chi phí huy động duy trì ở mức cao.

Thu nhập lãi thuần Q3 tăng 2% so với cùng kỳ lên 3.238 tỷ đồng, tương đương 9.773 tỷ đồng (giảm 1% so với cùng kỳ) trong 9 tháng đầu năm 2025, hoàn thành 68% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Lãi thuần HĐ dịch vụ dẫn đầu thu nhập ngoài lãi

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 57% so với cùng kỳ đạt 1.287 tỷ đồng, nhờ lãi thuần HĐ dịch vụ (1.035 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ) và thu nhập khác (229 tỷ đồng, tăng 70% so với cùng kỳ) tăng mạnh. Lỗ thuần HĐ kinh doanh ngoại hối ở mức 46 tỷ đồng, tương đương khoản lỗ trong Q3/2024. Trong khi đó, lãi mua bán trái phiếu phục hồi lên 68 tỷ đồng từ lỗ 60 tỷ đồng trong Q3/2024.

Cơ cấu lãi thuần HĐ dịch vụ, dịch vụ thanh toán giảm 2% so với cùng kỳ xuống 442 tỷ đồng, trong khi hoa hồng bancassurance tăng 47% so với cùng kỳ đạt 76 tỷ đồng. Thu nhập phí khác tăng 30% so với cùng kỳ đạt 856 tỷ đồng nhờ nguồn doanh thu mới từ các dịch vụ cho vay và thanh toán của TPB dựa trên nền tảng số hóa. Chúng tôi sẽ tiếp tục theo dõi để đánh giá tính bền vững của hoạt động này.

Thu nhập ngoài lãi 9 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 76% dự báo cả năm và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Chi phí hoạt động tăng đáng kể nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

Tổng chi phí hoạt động tăng 20% so với cùng kỳ trong Q3/2025 lên 1.714 tỷ đồng chủ yếu do chi phí tiền lương giảm 26% so với cùng kỳ ở mức 960 tỷ đồng và chi phí quản lý khác tăng 21% so với cùng kỳ lên 379 tỷ đồng. Tổng số nhân viên tăng 2% so với cùng kỳ lên 7.669 người.

Hệ số CIR Q3/2025 duy trì ở mức 38%, tương đương Q2/2025 và cao hơn Q3/2024 (35,7%).

Chất lượng tài sản vẫn khiêm tốn

Tỷ lệ nợ xấu của TPB tăng từ 2,05% tại thời điểm cuối Q2/2025 lên 2,23%, vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ nhóm 2 gần như đi ngang so với quý trước ở mức 1,78%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR là 61% so với 63% trong Q2/2025.

Ngân hàng tiếp tục xử lý 535 tỷ đồng nợ xấu trong Q3/2025 (thấp hơn một chút so với 579 tỷ đồng trong Q2/2025 và 581 tỷ đồng trong Q3/2024) với tỷ lệ nợ xấu mới hình thành ở mức 0,44% từ 0,16% trong Q2/2025.

Chi phí dự phòng tăng 8% so với cùng kỳ lên 909 tỷ đồng trong Q3/2025, tương đương chi phí tín dụng ở mức 1,37%, tăng từ 1,32% trong Q2/2025. Trong 9 tháng đầu năm 2025, chi phí dự phòng giảm 25% so với cùng kỳ xuống 2.224 tỷ đồng, bằng 54% dự báo cả năm của chúng tôi. HSC tin rằng việc trích lập dự phòng bổ sung sẽ cải thiện chất lượng tài sản của Ngân hàng.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

Mặc dù lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2025 của TPB sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi nhưng kết quả này xuất phát từ việc chi phí dự phòng giảm xuống trong khi tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo. HSC tin rằng tỷ lệ NIM Q4 của Ngân hàng sẽ mở rộng trong khi tỷ lệ NIM sẽ giảm xuống và nâng cao chất lượng lợi nhuận.

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, TPB đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,02 lần, thấp hơn 26% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,38 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	28,559	25,948	29,237	35,813	41,937
Chi phí lãi	(16,135)	(13,042)	(14,809)	(18,859)	(22,294)
Thu nhập lãi thuần	12,425	12,905	14,427	16,954	19,643
Lãi thuần HĐ dịch vụ	2,279	3,364	3,676	4,252	4,909
Lãi thuần HĐ KDNH	779	319	319	319	319
Lãi/lỗ từ mua bán CK	856	1,096	700	700	500
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0.04	0	0	0
Thu nhập khác	(105)	354	400	500	700
Tổng thu nhập HĐ	16,234	18,037	19,523	22,726	26,071
Chi phí HĐ	(6,699)	(6,278)	(7,266)	(8,390)	(9,677)
LN trước dự phòng	9,535	11,759	12,257	14,335	16,394
Chi phí dự phòng	(3,946)	(4,159)	(4,089)	(5,018)	(5,772)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5,589	7,600	8,168	9,318	10,622
Chi phí thuế TNDN	(1,126)	(1,526)	(1,634)	(1,864)	(2,124)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	4,463	6,074	6,534	7,454	8,498
EPS (đồng)	1,609	2,190	2,355	2,687	3,063
DPS (đồng)	3,714	476	952	381	476
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,774	2,774	2,774	2,774	2,774
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,312	2,774	2,774	2,774	2,774
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,312	2,774	2,774	2,774	2,774

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2,339	1,293	1,547	1,220	1,891
Tiền gửi tại NHNN	9,212	22,708	12,424	11,592	13,679
Tiền gửi tại các TCTD khác	52,352	70,521	74,047	77,749	81,637
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	202,678	248,005	290,675	340,030	394,574
Tổng dư nợ cho vay	205,355	251,104	296,171	346,396	401,701
Dự phòng rủi ro	(2,677)	(3,098)	(5,496)	(6,366)	(7,126)
Chứng khoán đầu tư	65,336	59,472	66,888	75,244	84,722
CK đầu tư sẵn sàng để bán	65,392	59,549	66,921	75,277	84,755
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	44.7	44.7	44.7	44.7	44.7
Dự phòng rủi ro	(100)	(122)	(77.7)	(77.7)	(77.7)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,059	1,222	1,283	1,347	1,414
Tài sản khác	23,662	14,807	15,695	17,579	19,688
Tổng tài sản	356,637	418,028	462,560	524,761	597,606
Nợ phải trả	323,894	380,432	423,067	478,695	544,143
Tiền gửi của NHNN	338	238	286	343	412
Tiền gửi của các TCTD khác	83,966	94,514	83,733	82,896	82,067
Tổng tiền gửi KH	208,262	242,806	288,939	340,948	402,319
Trái phiếu và CCTG	24,216	36,633	43,959	48,355	53,191
Nợ khác	6,972	6,016	6,016	6,016	6,016
Vốn chủ sở hữu	32,743	37,596	39,493	46,066	53,463
Vốn điều lệ	22,016	26,420	22,016	22,016	22,016
Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0	0
Lợi nhuận giữ lại	7,674	7,455	12,802	18,258	24,380
Quỹ & vốn khác của CSH	3,052	3,722	4,674	5,792	7,067
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	356,637	418,028	462,560	524,761	597,606
BVPS (đồng)	14,164	13,553	14,236	16,606	19,272

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.52	17.2	10.7	13.4	13.9
Tăng trưởng cho vay KH (%)	27.4	22.3	17.9	17.0	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	6.82	16.6	19.0	18.0	18.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	7.93	20.2	19.1	16.9	17.0
Tăng trưởng VCSH (%)	1.56	14.8	5.04	16.6	16.1
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	9.12	3.87	11.8	17.5	15.9
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	12.7	(6.28)	15.7	15.5	15.3
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(1.42)	23.3	4.23	17.0	14.4
Tăng trưởng LNTT (%)	(28.6)	36.0	7.46	14.1	14.0
Tăng trưởng LN thuần (%)	(28.7)	36.1	7.57	14.1	14.0

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.74	4.66	4.43	4.60	4.65
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.96)	(1.62)	(1.65)	(1.70)	(1.72)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	89.3	89.3	89.7	91.6	92.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.12	2.33	2.50	2.88	3.27
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	36.9	50.2	54.0	61.6	70.2

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.3	7.60	7.07	6.20	5.44
P/B (lần)	1.18	1.23	1.17	1.00	0.86
Lợi suất cổ tức (%)	22.3	2.86	5.72	2.29	2.86

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	27.5	33.7	33.5	32.8	32.6
ROAA (%)	1.30	1.57	1.48	1.51	1.51
ROAE (%)	13.7	17.3	17.0	17.4	17.1
Chi phí huy động BQ (%)	5.32	3.78	3.74	4.24	4.41
Lợi suất góp BQ (%)	9.34	7.50	7.40	7.92	8.11
Lợi suất thuần (%)	4.01	3.73	3.66	3.68	3.70
Tỷ lệ NIM (%)	4.06	3.73	3.65	3.75	3.80
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	14.0	18.6	18.8	18.7	18.8
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	76.5	71.5	73.9	74.6	75.3
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	9.42	9.80	7.27	6.68	5.83
Tỷ lệ CIR (%)	41.3	34.8	37.2	36.9	37.1
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	231	21.7	40.4	14.2	15.5

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.7	11.4	9.74	9.26	8.81
VCSH/Tổng TS (%)	9.18	8.99	8.54	8.78	8.95
Đòn bẩy vốn (lần)	10.9	11.1	11.7	11.4	11.2

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.05	1.51	1.99	1.90	1.70
Hệ số LLR (%)	63.7	81.5	93.0	96.9	105

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	98.6	103	103	102	99.8
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	26.5	25.3	20.1	17.6	15.3
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	57.6	60.1	64.0	66.0	67.2

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	121	121	121	121	121
Số lượng nhân viên	7,656	7,732	7,810	7,888	7,967

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn